TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2023/HS-ST
Ngày: 12 - 4 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thân Thị Quyên; Ông Dương Viết Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Lưu Nguyên Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại Nhà Văn hóa xóm D, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2023/TLST-HS, ngày 27 tháng 3 năm 2023; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên **Nguyễn Văn D,** sinh năm 1973.

Nơi thường trú: Xóm V, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 0/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị B (đều đã chết); Vợ: Hà Thị L, sinh năm 1973 và có 02 con (con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2008); Gia đình có 08 chị em, bị cáo là con thứ 08; Tiền án; tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2023 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

Người chứng kiến:

1. Anh Nguyễn Trường V, sinh năm 1970

Nơi cư trú: Xóm H, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1960

Nơi cư trú: Xóm H, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 13/01/2023, tổ công tác của Công an xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên trong khi tuần tra đảm bảo an ninh trật tự tại khu vực xóm H, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên phát hiện một người đàn ông có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy nên tiến hành kiểm tra, người này khai tên là Nguyễn Văn D, sinh năm 1973, trú tại: xóm V, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên và đang tàng trữ trái phép chất ma túy, D lấy từ bên trong túi áo bên trái đang mặc ra 01 túi nilon màu trắng, bên trong chứa chất bột dạng cục màu trắng theo D khai nhận là ma tuý loại Heroine của D mua về để sử dụng cho bản thân giao nộp cho tổ công tác. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng (01 túi nilon chứa ma túy ký hiệu A) theo quy định và bàn giao D cùng vật chứng cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P để điều tra làm rõ.

Hồi 17 giờ 00 phút cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P đã phối hợp cùng Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên tiến hành mở niêm phong bì thư ký hiệu A cân xác định khối lượng chất bột dạng cục màu trắng bên trong túi nilon màu trắng thu giữ của D có khối lượng là 0,168 gam, lấy toàn bộ niêm phong vào bì thư ký hiệu A1 gửi Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên để giám định.

Tại bản kết luận giám định số 304/KL-KTHS ngày 21/01/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái nguyên, kết luận: mẫu chất bột màu trắng trong bì thư niêm phong bì ký hiệu A1 gửi giám định là chất ma túy loại Heroine có khối lượng là 0,168 gam.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay: Bị cáo Nguyễn Văn D khai nhận hành vi phạm tội như sau: D là người nghiện chất ma tuý nên thường phải đi mua ma túy về sử dụng cho bản thân. Khoảng 10 giờ 10 phút ngày 13/01/2023, D đi từ nhà thuộc

xóm V, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên đến khu vực xóm H, xã X, huyện P để mua ma túy về sử dụng, tại đây D gặp một người đàn ông tên là D 1, D không biết họ đầy đủ, tuổi, địa chỉ của D 1 và hỏi mua được 01 gói ma túy loại Heroine với giá 100.000 đồng của D 1. Sau khi mua được ma túy, D cất gói ma túy vào túi áo bên trái đang mặc rồi đi bộ về tìm nơi sử dụng thì bị tổ công tác của Công an xã X, huyện P phát hiện bắt quả tang như đã nêu trên.

Cáo trạng số 57/CT-VKSPB ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố Nguyễn Văn D về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy", theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên sau khi phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn D từ 30-36 tháng tù. Không áp dụng phạt bổ sung do bị cáo là người nghiện ma túy, nghề nghiệp và thu nhập không ổn định.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ký hiệu A1 bên trong có chứa 0,153 gam mẫu A1 còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu A1.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Kết thúc phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai đó có căn cứ và phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Hồi 10 giờ 30 phút ngày 13/01/2023, tại khu vực xóm H, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Bị cáo Nguyễn Văn D là người nghiện chất ma túy đã có hành vi tàng trữ 0,168 gam ma túy loại Heroine với mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị tổ công tác của Công an xã X, huyện P phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng. Sau đó chuyển vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P điều tra theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận giám định số 304/KL-KTHS ngày 21/01/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái nguyên, kết luận: mẫu chất bột màu trắng trong bì thư niêm phong bì ký hiệu A1 gửi giám định là chất ma túy loại Heroine có khối lượng là 0,168 gam.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn D có đủ yếu tố cấu thành tội phạm: "Tàng trữ trái phép chất ma túy", theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên ngày hôm nay đối với bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

Nội dung Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Heroine ... có khối lượng từ 0,1gam đến dưới 05 gam.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản."

[3] Về tính chất mức độ tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội nghiêm trọng, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự xã hội ở địa phương, còn là nguyên nhân làm phát sinh tội phạm khác... Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo với một mức án

nghiêm minh và cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

[4] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Xét tính chất mức độ tội phạm, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người nghiện ma túy không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Đối với 01 phong bì niêm phong ký hiệu A1 bên trong có chứa 0,153 gam mẫu A1 còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu A1cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về nguồn gốc ma túy (Heroine), D khai mua ma túy của một người đàn ông tên là D 1 ở khu vực xóm H, xã X, huyện P, D không rõ họ và tên đầy đủ, tuổi, địa chỉ và số điện thoại của D 1. Quá trình điều tra không đủ căn cứ để xác định người D đã mua ma túy là ai nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xử lý theo pháp luật.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên trong lời luận tội về tội danh, về hình phạt, về án phí và xử lý vật chứng là phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[10] Về tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Ra quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Văn D với thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung vào ngân sách Nhà nước.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 47 Bộ luật hình sự;

- Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 326; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn D** phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt chính: Xử phạt Nguyễn Văn D **02**(hai) năm **06**(sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13 tháng 01 năm 2023.

3. Ra quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Văn D với thời hạn **45** (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ký hiệu A1 bên trong có chứa 0,153 gam mẫu A1 còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu A1.

(*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/04/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).*

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Thông báo về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện P;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- CC T.H.A DS huyện P;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Sái Đức Trung